

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh Đề án Vị trí việc làm của Thành ủy Đà Lạt**

-----

Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy Lâm Đồng khóa XI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 04-HD/BTCTW, ngày 12/9/2016 của Ban Tổ chức Trung ương về xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Đề án số 02-ĐA/TU, ngày 04/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Kết luận số 19-KL/TU, ngày 26/02/2021, Thông báo Kết luận số 91-TB/TU, ngày 18/5/2021 và Kết luận số 159-KL/TU, ngày 29/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Thành ủy Đà Lạt tại Đề án số 02-ĐA/ThU, ngày 09/7/2021 và của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

**BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH**


**Điều 1.** Điều chỉnh Đề án vị trí việc làm đối với Thành ủy Đà Lạt, thực hiện từ năm 2021 như sau:

- Số vị trí việc làm: 55
- Tổ chức bộ máy: Thực hiện theo Quyết định số 1031-QĐ/TU, ngày 04/4/2018 và Kết luận số 159-KL/TU, ngày 29/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- Số biên chế: Tạm giao 61 biên chế (trong đó bao gồm 04 hợp đồng 68)
- Tỷ lệ ngạch Chuyên viên chính và tương đương trở lên tạm giao: 39,34% (tương đương 24 cán bộ, công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên).

**Điều 2.** Thành ủy Đà Lạt có trách nhiệm rà soát, hoàn thiện các nội dung điều chỉnh Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở tiếp nhận, tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức trong các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thành phố. Bao gồm các nội dung sau:

1. Rà soát, hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục đã được điều chỉnh.

2. Thực hiện việc tiếp nhận, tuyển dụng và quản lý công chức, viên chức đảm bảo theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức theo quy định.

**Điều 3.** Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Thành ủy Đà Lạt chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Lưu VPTU, P TC-CB.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ**  
**BÍ THƯ**

**Trần Đức Quận**

**KHUNG DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ VÀ NGẠCH CÔNG CHỨC  
CỦA THÀNH ỦY ĐÀ LẠT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 349-QĐ/TU, ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

TT	Tên vị trí việc làm	Số VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch tối thiểu				Ghi chú
					CVCC	CVC	CV	Khác	
	<b>TỔNG</b>	<b>55</b>	<b>57</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>23</b>	<b>28</b>	<b>9</b>	
<b>1</b>	<b>Lãnh đạo Thành ủy</b>	<b>4</b>	<b>2</b>		<b>1</b>	<b>1</b>			
<b>1.1</b>	<b>Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành</b>								
1.1.1	Bí thư Thành ủy (Kiêm công tác chuyên môn)		1		1				
1.1.2	Phó Bí thư Thành ủy (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
<b>1.2</b>	<b>Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ</b>								
1.2.1	Chuyên viên cao cấp về công tác xây dựng Đảng (Bí thư kiêm)		KN						
1.2.2	Chuyên viên chính về công tác xây dựng Đảng (Phó bí thư kiêm)		KN						
<b>2</b>	<b>Ban Tổ chức Thành ủy</b>	<b>4</b>	<b>7</b>			<b>3</b>	<b>4</b>		
<b>2.1</b>	<b>Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành</b>		<b>3</b>			<b>3</b>			
2.1.1	Trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
2.1.2	Phó trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)		2			2			
<b>2.2</b>	<b>Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ</b>		<b>4</b>				<b>4</b>		
2.2.1	Chuyên viên chính về công tác Tổ chức xây dựng Đảng (Trưởng, phó Ban tổ chức kiêm)		KN						
2.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tổ chức xây dựng Đảng		4				4		

TT	Tên vị trí việc làm	Số VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch tối thiểu				Ghi chú
					CVCC	CVC	CV	Khác	
<b>3</b>	<b>Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Thành ủy</b>	<b>5</b>	<b>6</b>			<b>3</b>	<b>3</b>		
<b>3.1</b>	<b>Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành</b>		<b>5</b>			<b>3</b>	<b>2</b>		
3.1.1	Chủ nhiệm (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
3.1.2	Phó Chủ nhiệm (Kiêm công tác chuyên môn)		2			2			
3.1.3	Ủy viên UBKT (Kiêm công tác chuyên môn)		2				2		
<b>3.2</b>	<b>Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ</b>		<b>1</b>				<b>1</b>		
3.2.1	Kiểm tra viên chính về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành Điều lệ đảng (Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm kiêm)		KN			x			
3.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác kiểm tra, giám sát, thi hành điều lệ đảng		1				1		
<b>4</b>	<b>Ban Tuyên giáo Thành ủy</b>	<b>4</b>	<b>4</b>			<b>2</b>	<b>2</b>		
<b>4.1</b>	<b>Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành</b>		<b>2</b>			<b>2</b>			
4.1.1	Trưởng ban kiêm Giám đốc Trung tâm Chính trị thành phố (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
4.1.2	Phó trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
<b>4.2</b>	<b>Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ</b>		<b>2</b>				<b>2</b>		
4.2.1	Chuyên viên chính công tác Tuyên giáo (Trưởng, phó ban kiêm)		KN			x			
4.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Tuyên giáo		2				2		
<b>5</b>	<b>Ban Dân vận Thành ủy</b>	<b>4</b>	<b>5</b>			<b>2</b>	<b>3</b>		
<b>5.1</b>	<b>Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành</b>		<b>2</b>			<b>2</b>			
5.1.1	Trưởng ban kiêm Chủ tịch UBMTTQVN thành phố (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
5.1.2	Phó trưởng ban (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			

TT	Tên vị trí việc làm	Số VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch tối thiểu				Ghi chú
					CVCC	CVC	CV	Khác	
<b>5.2</b>	<b>Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ</b>		<b>3</b>				<b>3</b>		
5.2.1	Chuyên viên chính công tác Dân vận - Mặt trận (Trưởng, phó ban kiêm)		KN			x			
5.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác dân vận		3				3		
<b>6</b>	<b>Văn phòng Thành ủy</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	<b>4</b>		<b>3</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	
<b>6.1</b>	<b>Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành</b>		<b>3</b>			<b>3</b>			
6.1.1	Chánh văn phòng (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
6.1.2	Phó Chánh văn phòng (Kiêm công tác chuyên môn)		2			2			
<b>6.2</b>	<b>Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ</b>		<b>3</b>				<b>3</b>		
6.2.1	Chuyên viên chính công tác Văn phòng (Chánh, phó văn phòng kiêm)		KN						
6.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác tổng hợp kiêm công nghệ thông tin		3				3		
<b>6.3</b>	<b>Nhóm hỗ trợ, phục vụ</b>		<b>3</b>	<b>4</b>			<b>1</b>	<b>6</b>	
6.3.1	Kế toán (Kiêm Kế toán Trung tâm BDCT thành phố)		1				1		
6.3.2	Văn thư, lưu trữ, thủ quỹ		2					2	
6.3.3	Lái xe (Hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP)			2				2	
6.3.4	Tạp vụ (Hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP)			1				1	
6.3.5	Bảo vệ (Hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP)			1				1	
<b>7</b>	<b>Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN Thành phố</b>	<b>6</b>	<b>6</b>			<b>2</b>	<b>4</b>		
<b>7.1</b>	<b>Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành</b>		<b>3</b>			<b>2</b>	<b>1</b>		
7.1.1	Chủ tịch (Trưởng Ban Dân vận Thành ủy kiêm)		KN						
7.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)		2			2			
7.1.3	Ủy viên Thường trực (Kiêm công tác chuyên môn)		1				1		

TT	Tên vị trí việc làm	Số VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch tối thiểu				Ghi chú
					CVCC	CVC	CV	Khác	
<b>7.2</b>	<b>Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ</b>		<b>2</b>				<b>2</b>		
7.2.1	Chuyên viên chính công tác Mặt trận (Phó chủ tịch kiêm)					x			
7.2.2	Theo dõi công tác mặt trận		2				2		
<b>7.3</b>	<b>Nhóm hỗ trợ, phục vụ</b>		<b>1</b>				<b>1</b>		
7.3.1	Kế toán		1				1		
<b>8</b>	<b>Hội Nông dân thành phố</b>	<b>4</b>	<b>3</b>			<b>2</b>	<b>1</b>		
<b>8.1</b>	<b>Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành</b>		<b>2</b>			<b>2</b>			
8.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
8.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
<b>8.2</b>	<b>Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ</b>		<b>1</b>				<b>1</b>		
8.2.1	Chuyên viên chính công tác Nông dân (Chủ tịch, phó chủ tịch kiêm)		KN			x			
8.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Nông dân		1				1		
<b>9</b>	<b>Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố</b>	<b>4</b>	<b>4</b>			<b>2</b>	<b>2</b>		
<b>9.1</b>	<b>Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành</b>		<b>2</b>			<b>2</b>			
9.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
9.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
<b>9.2</b>	<b>Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ</b>		<b>2</b>				<b>2</b>		
9.2.1	Chuyên viên chính công tác Phụ nữ (Chủ tịch, phó chủ tịch kiêm)		KN			x			
9.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Phụ nữ		2				2		

TT	Tên vị trí việc làm	Số VTVL	Biên chế	Hợp đồng	Phân theo ngạch tối thiểu				Ghi chú
					CVCC	CVC	CV	Khác	
<b>10</b>	<b>Thành đoàn</b>	<b>4</b>	<b>5</b>			<b>2</b>	<b>3</b>		
<b>10.1</b>	<b>Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành</b>		<b>2</b>			<b>2</b>			
10.1.1	Bí thư kiêm chủ tịch Hội LHTN (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
10.1.2	Phó Bí thư (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
<b>10.2</b>	<b>Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ</b>		<b>3</b>				<b>3</b>		
10.2.1	Chuyên viên chính công tác Đoàn thanh niên (Bí thư, phó bí thư kiêm)		KN			x			
10.2.2	Theo dõi, tham mưu công tác Thanh niên		3				3		
<b>11</b>	<b>Hội Cựu chiến binh thành phố</b>	<b>3</b>	<b>3</b>					<b>3</b>	
<b>11.1</b>	<b>Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành</b>		<b>2</b>					<b>2</b>	
11.1.1	Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)		1					1	
11.1.2	Phó Chủ tịch (Kiêm công tác chuyên môn)		1					1	
<b>11.2</b>	<b>Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ</b>		<b>1</b>					<b>1</b>	
11.2.1	Theo dõi, tham mưu công tác Cựu chiến binh		1					1	
<b>12</b>	<b>Trung tâm Chính trị thành phố</b>	<b>4</b>	<b>3</b>			<b>1</b>	<b>2</b>		
<b>12.1</b>	<b>Nhóm lãnh đạo, quản lý điều hành</b>		<b>1</b>			<b>1</b>			
12.1.1	Giám đốc (Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy Kiêm nhiệm)		KN						
12.1.2	Phó Giám đốc (Kiêm công tác chuyên môn)		1			1			
<b>12.2</b>	<b>Nhóm chuyên môn, nghiệp vụ</b>		<b>2</b>				<b>2</b>		
12.2.1	Giảng viên chính Trung tâm Chính trị (Phó Giám đốc kiêm)		KN						
12.2.2	Giảng viên chuyên trách (kiêm giáo vụ)		2				2		